

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Ngô Bạch Diệp

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN
TÀI Ô TÔ SỐ 1**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Bạch Diệp
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Bạch Diệp

Mã SV: 171 240 1022

Lớp : QT 2101K

Ngành : Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- + Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- + Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.
- + Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 - Số 150 khu 2, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Ngô Bạch Diệp

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp	3
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp	4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.....	4
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp.....	12
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.....	12
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	13
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	15
1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.	19
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung.....	19
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	20
1.4.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	21
1.4.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:.....	23
1.4.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1	25
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.	25
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	25
2.1.2 Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	26
2.1.2.1 Nhiệm vụ, chức năng của công ty	26
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.	30
2.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	35
2.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán	35
2.4.2 Chính sách và phương pháp kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	38

2.4.3: Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.....	39
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	40
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.....	40
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.....	41
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	57
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1.....	73
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Hạn chế.....	74
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán..	77
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.	77
KẾT LUẬN.....	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014815	45
Biểu số 2.2: Bảng kê cước vận chuyển.....	46
Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng.....	47
Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014824	49
Biểu số 2.5: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô	50
Biểu số 2.6: Giấy báo có của ngân hàng.....	51
Biểu số 2.7: Trích sổ Nhật ký chung.....	52
Biểu số 2.8 : Trích sổ cái tài khoản 131	53
Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng	54
Biểu số 2.10: Sổ chi tiết phải thu khách hàng	55
Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng	56
Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT số 0003290.....	60
Biểu số 2.13: Ủy nhiệm chi	61
Biểu số 2.14: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	62
Biểu số 2.15: Phiếu chi tiền	63
Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0005008.....	65
Biểu số 2.17: Ủy nhiệm chi	66
Biểu số 2.18: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	67
Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.20: Trích sổ cái tài khoản 331	69
Biểu số 2.21: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	70
Biểu số 2.22: Sổ chi tiết phải trả người bán.....	71
Biểu số 2.23: Bảng tổng hợp phải trả người bán.....	72
Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2020.....	76
Biểu số 3.1	81

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.....	20
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	21
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	22
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ	23
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.....	24
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty	35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.	39
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.....	43
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	58

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất.

Và bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán, ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế rủi ro trong thanh toán,... Trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít những khó khăn, đây là điều không thể tránh khỏi.

Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như học thực tế trong quá giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của ThS. Trần Thị Thanh Thảo em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa nêu trên nên đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn

đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1***” làm đề tài khóa luận.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – ThS. Trần Thị Thanh Thảo, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Các hình thức thanh toán trong doanh nghiệp

Khái niệm thanh toán: Thanh toán đơn giản là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên (người hoặc công ty, tổ chức) sang một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

❖ Các phương thức thanh toán:

Có hai phương thức thanh toán chủ yếu:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

❖ Các hình thức thanh toán:

Thông thường có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Hình thức này thường được áp dụng đối với giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt: Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn

tiền tệ từ tài khoản của các đơn vị này sang đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

+ Phương thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

+ Phương thức nhờ thu phiếu trơn: là phương thức thanh toán mà người bán ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu từ người mua, không gửi kèm theo bất cứ một chứng từ nào. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

+ Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: là phương thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

+ Phương thức tín dụng chứng từ: là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng .

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Khoản phải thu khách hàng phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ, phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng

công tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào nội dung này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

+ Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

+ Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

+ Trong hạch toán chi tiết nội dung này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

+ Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, BDS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

+ Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường

hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT(hay hóa đơn bán hàng).
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình

thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính ;
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131,...

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

(1) Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp Nhà nước.

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2) Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5212 – Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

(3) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

- Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

- Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng

hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5213)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(4) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5) Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(6) Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8) Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9) Kế toán khoản phải thu về phí uỷ thác tại bên nhận uỷ thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(10). Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

+ Khoản phải trả người bán dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

+ Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

+ Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ

đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

+ Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

+ Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

+ Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng

- Các chứng từ liên quan khác

* **Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chi tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán; Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112, ...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(4). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(5). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí bán hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 156, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(8). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(9). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(10). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

1.4. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

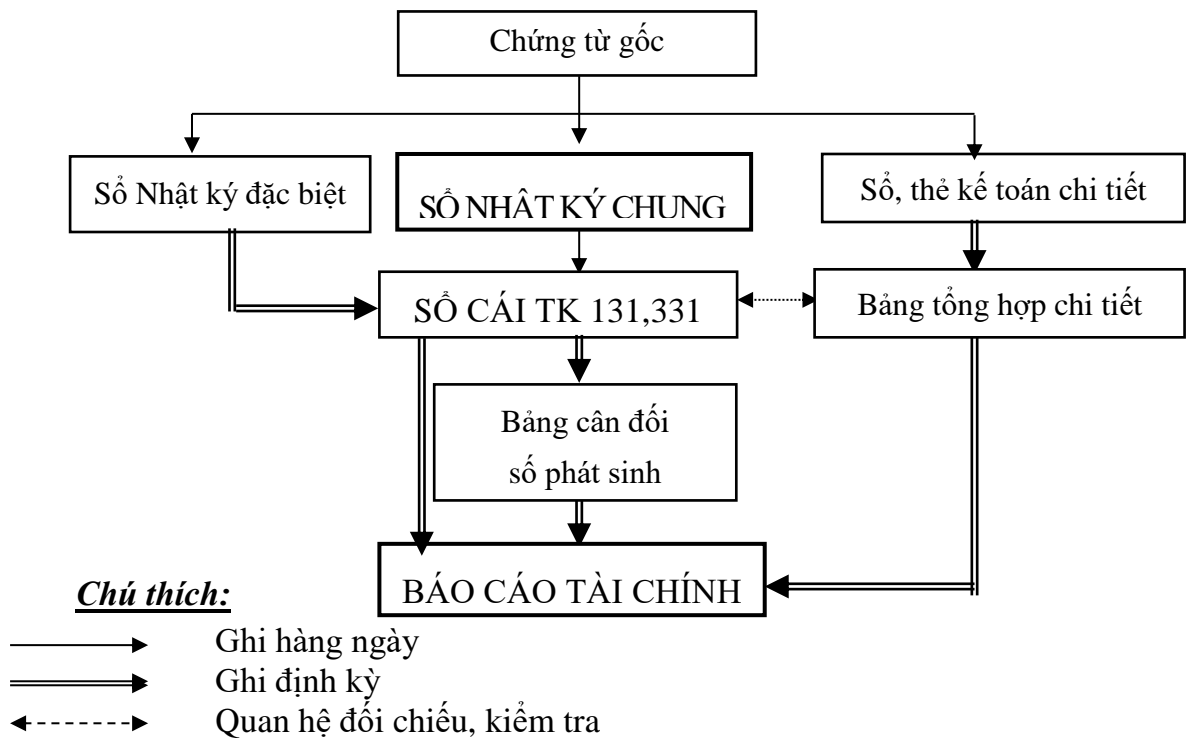
- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



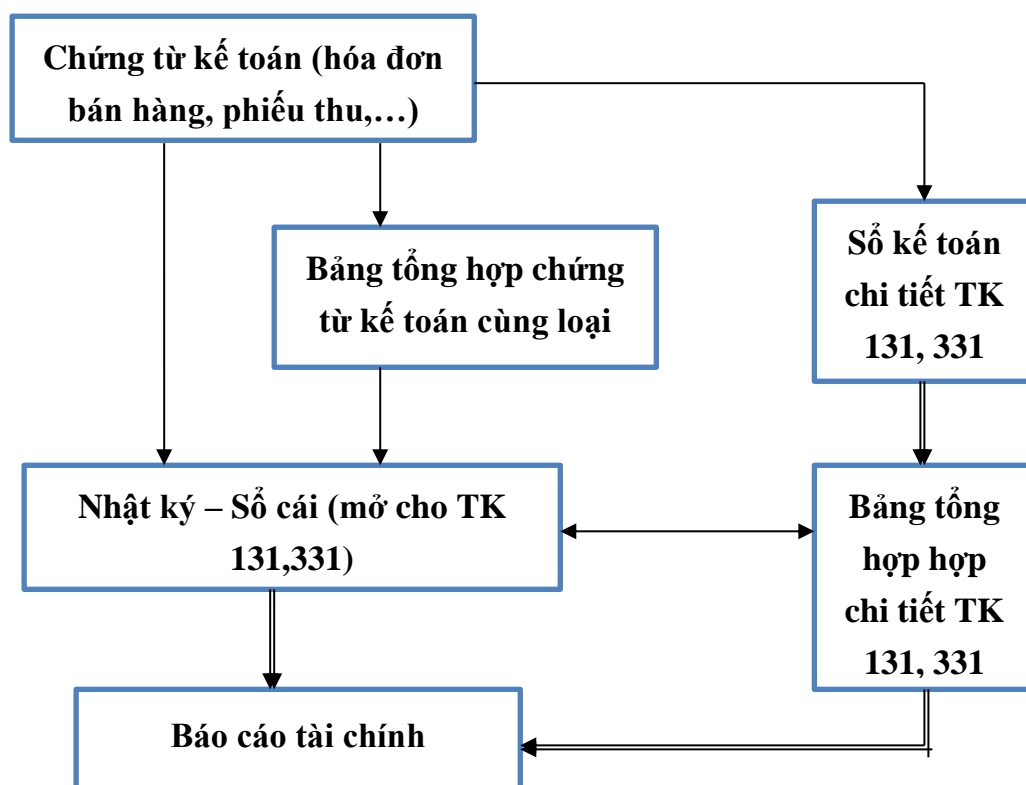
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- =====><==== Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

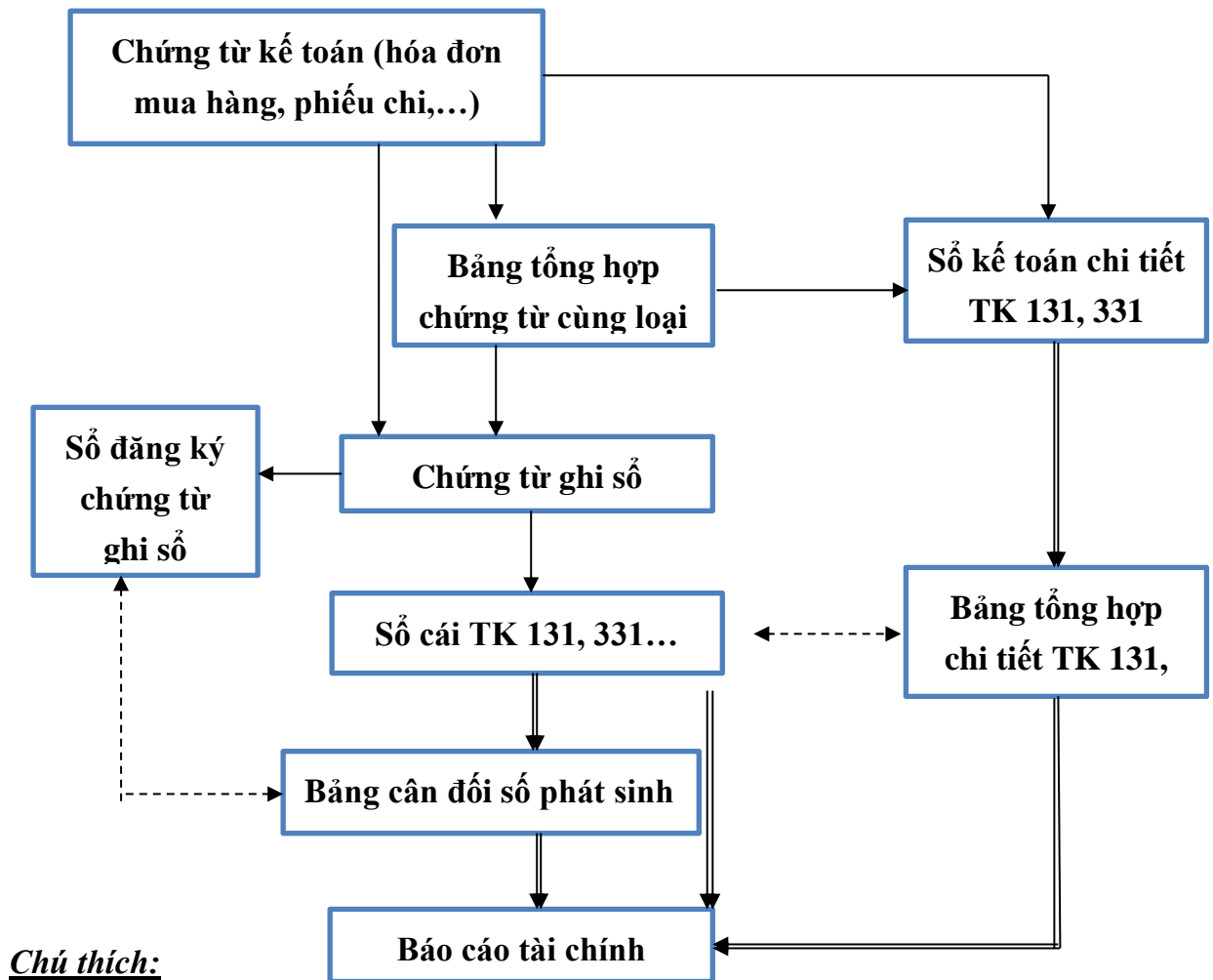
1.4.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

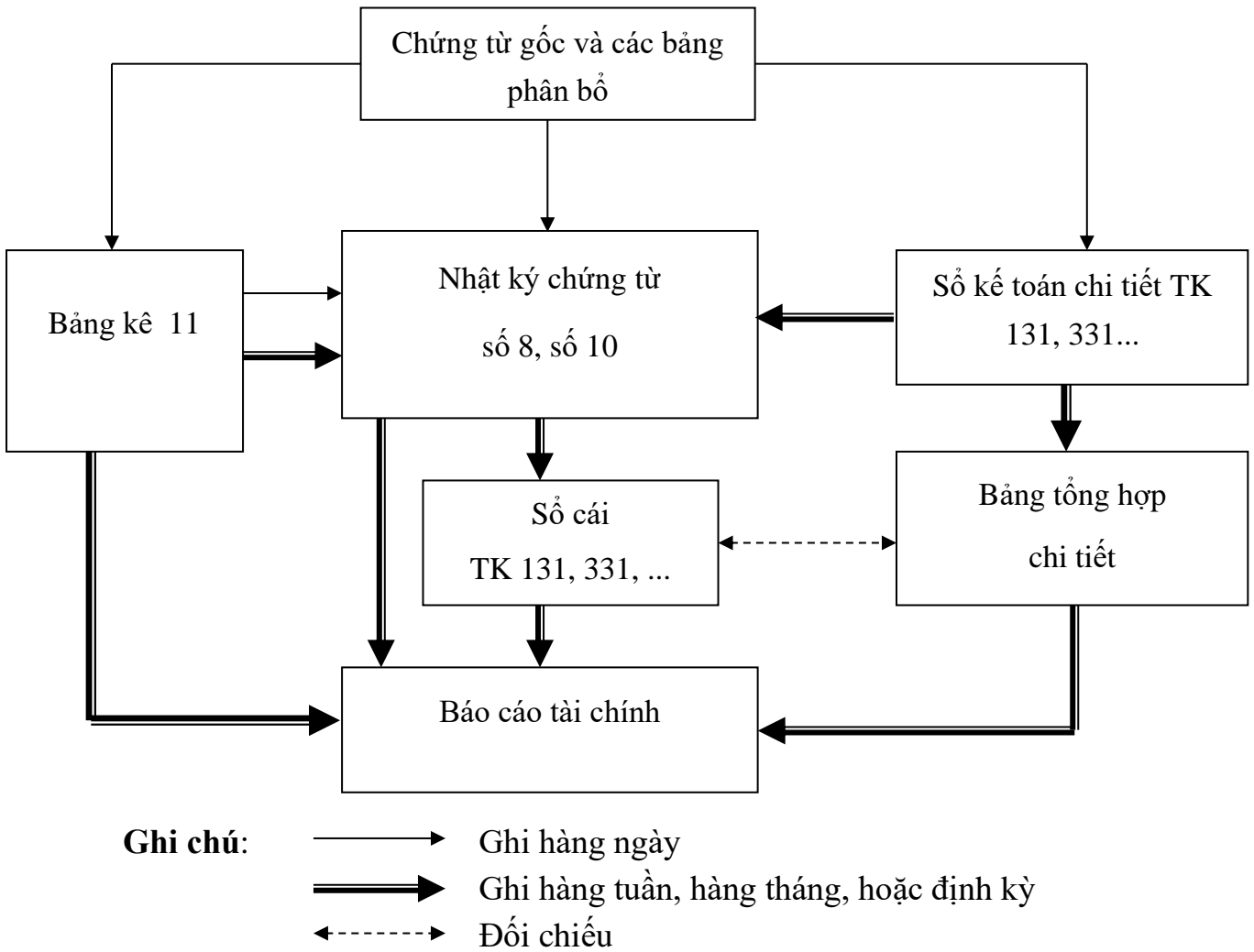


Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

1.4.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

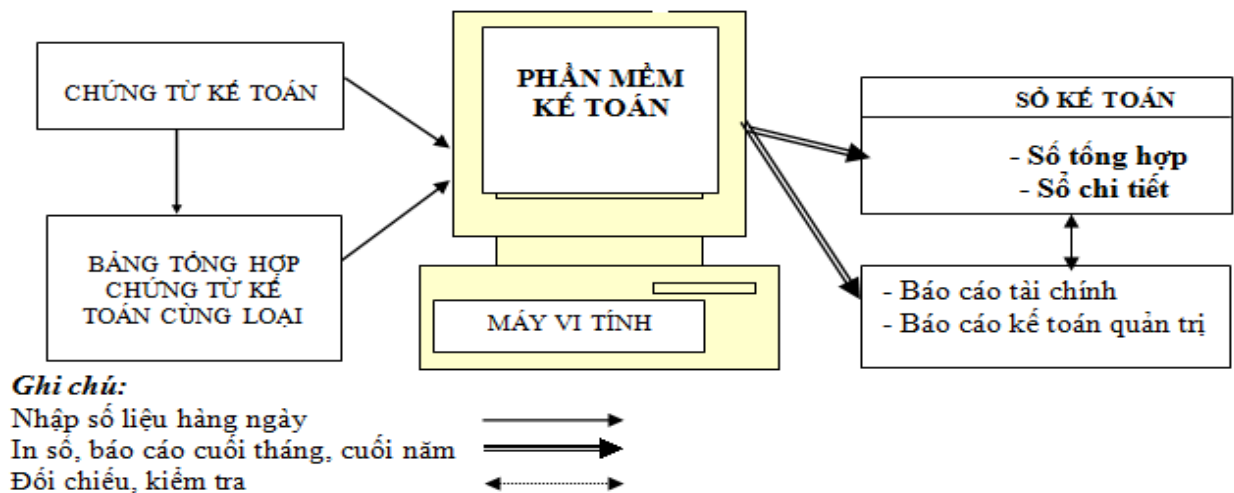
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Ô Tô Số 1 có tên giao dịch là Automobile Transport Joint Stock Company No.1.

Tên viết tắt của công ty là : A.T.C.NO1

Trụ sở chính tại : Số 150 khu 2, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại của công ty : 0225.850.169, fax: 0225.534.551 Từ năm 2012, Công ty đã thiết lập website riêng của công ty (www.vantaiotoso1.com) để quảng bá cho thương hiệu của mình.

Công ty có mã số thuế là: 0200105546, nộp thuế tại Cục thuế thành phố Hải phòng (Địa chỉ :số 6 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

Công ty có số tài khoản ngân hàng là: 102010000212935 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Hồng Bàng thành phố Hải Phòng và số tài khoản ngân hàng là: 0531 0088 4451 2, tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh Hồng Bàng thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.827.350.000 đồng. Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở góp cổ phần. Số cổ phần 1.582.735 cổ phần với giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 1 được thành lập theo Giấy phép thành lập số: 3845/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ GTVT (chuyển từ DNNN Công ty Vận tải ô tô số 1 sang công ty cổ phần), Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200105546, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 07 năm 2012, đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh 14/04/2014, do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 191/GPKDVT ngày 31/12/2010.

2.1.2 Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

2.1.2.1 Nhiệm vụ, chức năng của công ty

Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán độc lập, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật, Nhà nước, các quy định của Bộ, Ngành. Ngoài ra chịu sự hành chính, an ninh...của UBND các cấp nơi đặt trụ sở của công ty.

Chức năng chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thông qua đó:

- Góp phần thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển.
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- Đảm bảo đời sống cho người lao động.
- Tăng thu nhập cho ngân sách Nhà nước.
- Đặc biệt góp phần nâng cao chất lượng sống và an sinh xã hội.

Với các chức năng chính trên Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô 1 đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ chính như sau:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Cả hàng đóng trong container, hàng rời và hàng lẻ)
- Sửa chữa, đại tu ô tô, rơ moóc
- Kinh doanh nhiên liệu cung cấp cho khách hàng tại hai cây xăng của công ty.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan trọn gói.
- Đào tạo lái xe mô tô, ô tô tại trung tâm dạy nghề Nam Sơn.
- Cho thuê kho bãi và trông giữ xe.

Trong điều kiện kinh tế suy thoái, sự cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các Doanh nghiệp, Công ty đã đặt ra những đặc điểm kinh doanh riêng cho đơn vị mình cụ thể là:

- Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 1 có hoạt động kinh doanh chính và chủ yếu là vận tải hàng hóa đường bộ bằng phương tiện xe container do vậy công ty luôn đặt chất lượng của dịch vụ lên hàng đầu. Phạm vi hoạt động vận tải chủ yếu của công ty là 2 tuyến Hải Phòng <-> Hà Nội , Hải Phòng <-> Nam Định và một số tuyến đi các tỉnh thành phố khác như Hải Phòng <-> Nghệ An, Hải Phòng <-> Hồ Chí Minh, Công ty cũng có các tuyến đi sang các nước Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

Do khách hàng chủ yếu của công ty là các đơn vị xuất nhập khẩu với các mặt hàng như may mặc, máy móc, linh kiện điện tử... có giá trị lớn và đòi hỏi đảm bảo về an toàn hàng hóa cũng như thời gian đóng trả hàng nên công ty sớm lắp đặt hệ thống định vị GPS để phục vụ quản lý, theo dõi chuyển hàng , tạo uy tín, niềm tin cho các đối tác khách hàng. Đối với những chuyến hàng đặc biệt, công ty có thể cung cấp Username và password để khách hàng trực tiếp theo dõi hành trình, tốc độ của xe vận chuyển.

Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ đi kèm: Dịch vụ xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan trọn gói, mở tờ khai...

Các loại ngành nghề kinh doanh cụ thể của Công ty:

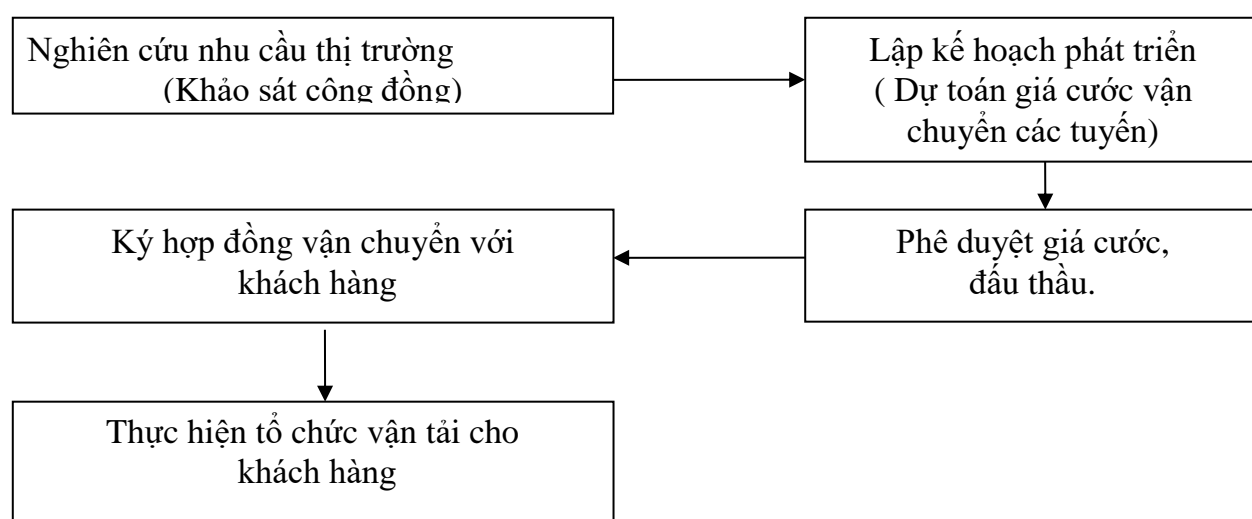
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933 (Chính)
2	Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	46693
3	Bán buôn cao su	46694
4	Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	46696
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
6	Đại lý du lịch	7911
7	Điều hành tua du lịch	7912
8	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở	6810

	hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho, bãi đỗ xe, Cho thuê nhà	
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn sắt, thép	4662
11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
12	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
13	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã và động vật quý hiếm)	4620
15	Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp Chi tiết: bán buôn phân bón	46691
16	Bán buôn hóa chất khác Chi tiết: bán buôn hóa chất thông thường	46692
17	Vận tải hành khách bằng đường bộ khác Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ	5221
19	Đại lý môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý gas, bếp gas	4610
20	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21	Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22	Bán lẻ các hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ gas	4773
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24	Bán buôn gạo	4631
25	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
26	Bán buôn đồ uống	4633
27	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610

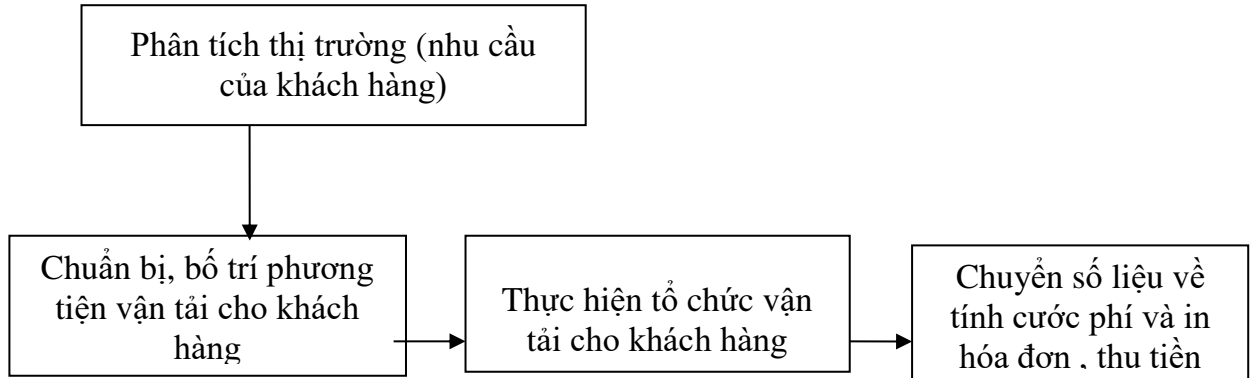
28	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vécni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí	4663
30	Bán buôn thực phẩm	4632
31	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	46697
32	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong cửa hàng chuyên doanh	4759
33	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: dạy nghề lái xe ô tô, mô tô, dạy nghề sửa ô tô	8532
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: dịch vụ khai thuế hải quan, giao nhận hàng hóa	5229
35	Bán lẻ đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
36	Bán buôn tơ, sợi dệt	46695
37	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

Đặc điểm quy trình tổ chức kinh doanh

Quy trình tổ chức phát triển thị trường của Công ty



Quy trình tổ chức kinh doanh của Công ty



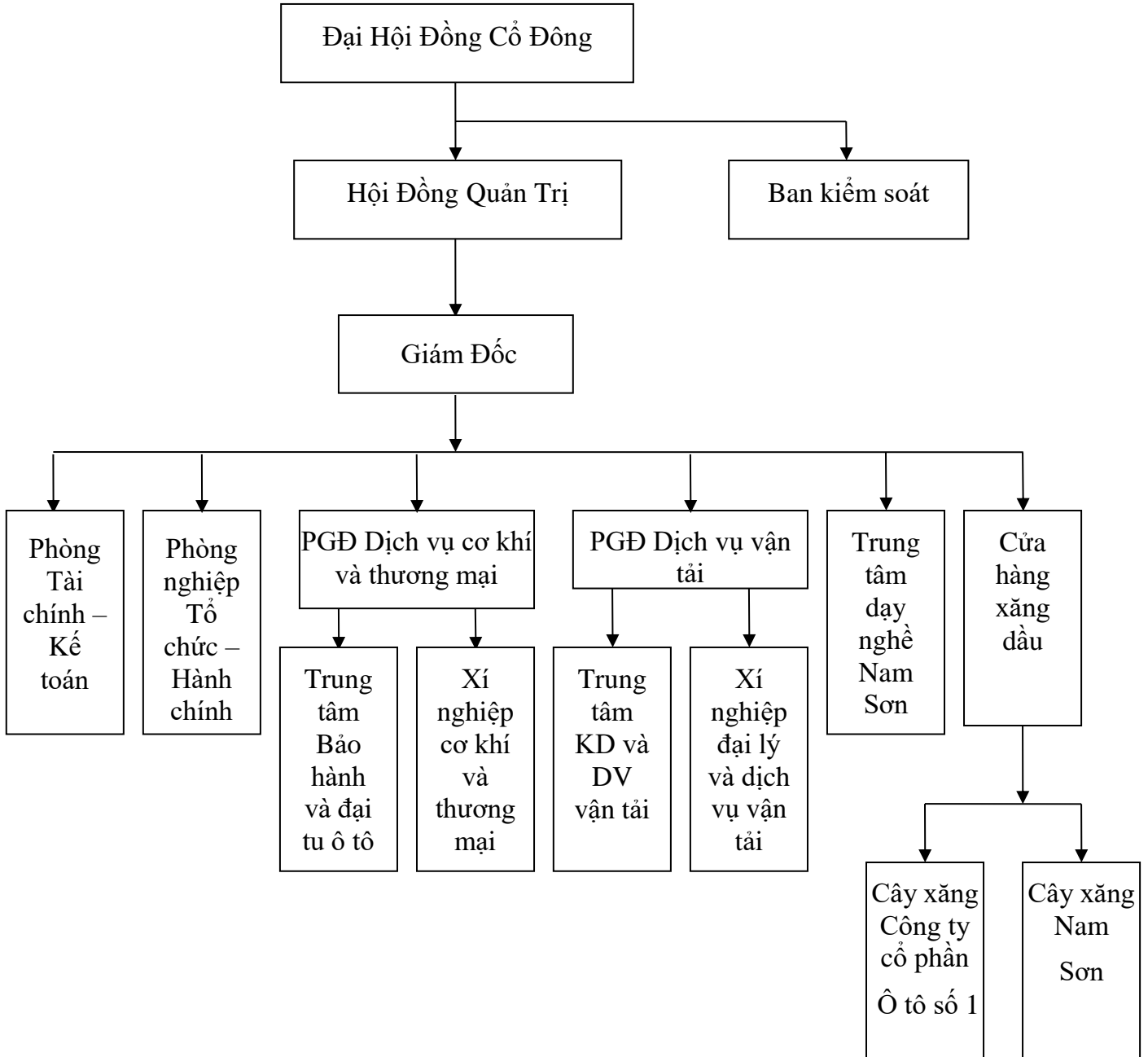
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh kinh doanh của công ty.

Bộ máy quản lý điều hành kinh doanh kinh doanh gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp lấy hiệu quả kinh doanh kinh doanh là chính. Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty:

Có thể khái quát cơ cấu tổ chức của Công ty theo sơ đồ sau đây:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm các phòng ban, xí nghiệp chính với các chức năng và nhiệm vụ sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và toàn thể cổ đông có chế độ và cơ chế làm việc theo quy định của luật doanh nghiệp.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan đại diện cho Đại hội cổ đông thực hiện các hoạt động giữa hai kỳ đại hội. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây :

- Quyết định các công việc liên quan đến sự phát triển và lợi ích của Công ty;
- Xây dựng sách lược phát triển Công ty;
- Xây dựng phương án các loại cổ phần và tổng số cổ phiếu được phát hành;
- Quyết định niêm yết cổ phiếu trên thị trường, quyết định biện pháp huy động vốn;
- Quyết định phương án đầu tư;
- Quyết định biện pháp khai thác thị trường, phê chuẩn các hợp đồng có giá trị lớn;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương, phụ cấp, thưởng của cán bộ quản lý này.
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông...

Ban giám đốc gồm Giám đốc, kế toán trưởng và các bộ phận chủ quản. Ban giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về điều hành quản lý Công ty.

❖ **Ban kiểm soát:**

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức, điều hành hoạt động của công ty. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

❖ **Giám đốc:**

Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng quản trị - Người địa diện theo pháp luật của Công ty, được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao:

- Quản lý hành chính hoạt động hàng ngày của Công ty
- Xây dựng các kế hoạch sản xuất và kinh doanh của Công ty để Hội đồng quản trị phê duyệt

- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đã được phê duyệt
- Ký kết các hợp đồng lao động với cán bộ nhân viên của Công ty.
- Ký các hợp đồng kinh tế.
- Giám đốc có quyền quyết định mọi hoạt động sản xuất của công ty

❖ **Phó giám đốc:**

Là người được giám đốc ủy quyền giải quyết các công việc khi đi vắng và là người chịu trách nhiệm về công việc được giao. Mỗi phó giám đốc phụ trách một hoạt động riêng của công ty.

- *Phó giám đốc dịch vụ cơ khí và thương mại:*

Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ huy, quản lý việc kinh doanh hàng ngày của các dịch vụ cơ khí, sửa chữa, đại tu ô tô và các dịch vụ thương mại của công ty.

- *Phó giám đốc dịch vụ vận tải:*

Chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất vận tải và các dịch vụ đi kèm như kê khai hải quan, kiểm hóa, kiểm dịch...

❖ **Các phòng ban:**

- **Phòng Tài chính - Kế toán:**

+ Cập nhập mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi kết quả trước ban Giám đốc, phản ánh. Phản ánh kết quả hoạt động của Công ty theo từng quý, năm.

+ Kiểm tra, kiểm soát việc thu – chi, thanh toán các khoản nợ, theo dõi tình hình nợ của khách hàng.

+ Phân tích tình hình tài chính trong Công ty, đánh giá hiệu của SXKD của Công ty.

+ Tổ chức quản lý tài chính, hình thức kế toán, hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty, giúp Giám đốc quản lý tài chính của công ty...

+ Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm, tổ chức quản lý và khai thác sử dụng vốn hợp lý nhằm bảo toàn và phát triển các nguồn vốn, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lập kế hoạch chi tiêu tài chính trong năm.

+ Hàng tháng cấp phát tiền lương, tiền thu chi bảo hiểm xã hội cho các bộ công nhân viên trong Công ty.

+ Kiểm soát hoạt động chi tiêu tài chính của Ban Giám đốc Công ty căn cứ trên các quy chế, quy định, định mức chi tiêu của Công ty và dự toán chi tiêu của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

+ Có nhiệm vụ quản lý cán bộ, đề bạt cán bộ, tổ chức biên chế lao động trong Công ty, khen thưởng, nhận xét đánh giá cán bộ hàng năm, nâng lương, nâng bậc và thực hiện chính sách chế độ có liên quan đến người lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, kiểm tra mọi hoạt động của đơn vị.

+ Tham mưu cho giám đốc của công ty trong lĩnh vực quản lý lao động, tiền lương, sắp xếp tổ chức sản xuất, tiếp cận và bố trí cán bộ công nhân viên, quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, thực hiện chế độ chính sách Nhà nước đối với người lao động, công tác thi đua khen thưởng trong toàn Công ty.

+ Tham mưu cho giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác, công văn giấy tờ, phưng tiện trang thiết bị văn phòng, xe ô tô, trụ sở làm việc.

- **Trung tâm bảo hành và đại tu ô tô:**

Thực hiện công tác sửa chữa, cứu hộ xe ô tô của công ty cũng như sửa chữa cho khách hàng bên ngoài.

- **Xí nghiệp cơ khí và thương mại :**

Ngoài công tác sửa chữa xe, Xí nghiệp cơ khí và thương mại còn cho thuê mặt bằng làm kho bãi, cho thuê đất làm nhà xưởng.

- **Trung tâm kinh doanh và dịch vụ vận tải:**

Tổ chức vận tải bằng xe đầu kéo container và làm dịch vụ giao nhận, kê khai hải quan hàng xuất - nhập khẩu.

- **Xí nghiệp đại lý và dịch vụ vận tải:**

Kết hợp giữa tổ chức vận tải và tìm kiếm thị trường mới.

- **Trung tâm dạy nghề Nam Sơn:**

Thực hiện công tác tuyển sinh và tổ chức tốt việc đào tạo dạy nghề lái xe, nâng cao chất lượng dạy và học.

- Cửa hàng xăng dầu:

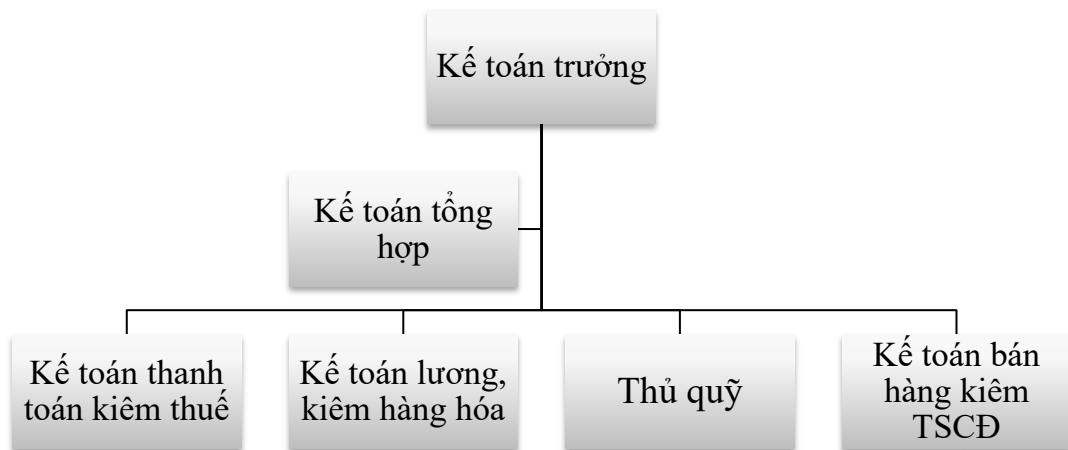
Cung cấp xăng dầu phục vụ cho vận tải và dạy nghề lái xe đồng thời kinh doanh xăng, dầu tiêu thụ hàng ngày trên địa bàn.

Với cơ cấu tổ chức rõ ràng như vậy đã giúp cho Công ty hoạt động dễ dàng, thông suốt, từ đó tăng doanh thu cho toàn Công ty ngày càng cao.

2.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

2.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty, đồng thời để sử dụng tốt nhất năng lực của đội ngũ kế toán và đảm bảo thông tin nhanh gọn chính xác, theo dõi kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung phù hợp với điều kiện của công ty.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty

❖ Kế toán trưởng:

- + Đóng vai trò giám sát tài chính, điều hành mọi công tác kế toán trong doanh nghiệp.
- + Phê duyệt bởi kế toán, thực hiện kiểm tra và tổng hợp các số liệu của kế toán bán hàng.
- + Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế thể hiện các trách nhiệm tài chính của công ty đối với nhà nước và các bên liên quan.
- + Qua các thông tin kế toán phản ánh, kế toán trưởng tiến hành những

phân tích tài chính từ đó lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn cho công ty.

+ Giải trình số liệu và cung cấp hồ sơ, số liệu cho cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra kiểm tra theo yêu cầu của phụ trách văn phòng Kế toán.

+ Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết

❖ **Kế toán tổng hợp:**

+ Là người giám sát các kế toán, yêu cầu các kế toán điều chỉnh nghiệp vụ kinh tế phát sinh khi xảy ra sai sót.

+ Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp.

+ Kiểm tra các định khoản nghiệp vụ phát sinh.

+ Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp. Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.

+ Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng CT, lập quyết toán văn phòng công ty.

+ Theo dõi công nợ khối văn phòng công ty, quản lý tổng quát công nợ toàn công ty. In sổ chi tiết và tổng hợp khối văn phòng, tổng hợp theo công ty theo quy định.

+ Hướng dẫn xử lý và hạch toán các nghiệp vụ kế toán. Cải tiến phương pháp hạch toán và chế độ báo cáo.

+ Tổng hợp chi phí tính giá thành dịch vụ vận tải, sửa chữa...

+ Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu để cung cấp số liệu cho ban giám đốc hoặc các đơn vị chức năng. Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

❖ **Kế toán thanh toán kiêm thuế:**

+ Trình ký và kiểm kê số dư tồn quỹ hàng ngày. Căn cứ chứng từ phát sinh, kiểm tra các giấy đề xuất (đề xuất thanh toán, đề xuất tạm ứng, Bảng kê thanh

toán tạm ứng) trên cơ sở được duyệt.

+ Lập sổ sách kế toán tiền mặt phân loại chứng từ, cập nhật, định khoản kịp thời.

+ Lập sổ sách kế toán tạm ứng, chi tiết cho từng đối tượng. Cập nhật kịp thời các số liệu phát sinh vào hồ sơ khai thuế hàng tháng, trình Kế toán trưởng kiểm tra VAT đầu vào vào ngày 25 dương lịch. Lưu chứng từ kế toán chứng minh cho các định khoản kế toán tiền mặt, kế toán tạm ứng.

❖ **Kế toán tiền lương kiêm hàng tồn kho.**

+ Lập bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích theo lương BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ hàng tháng.

+ Trình ký và kiểm duyệt hàng tháng. Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ đồng thời phân bổ phí thu mua cho hàng tiêu thụ nhằm xác định hiệu quả bán hàng.

+ Kiểm tra, đôn đốc tình hình thu hồi và quản lý tiền hàng, quản lý khách nợ theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ...

❖ **Kế toán bán hàng kiêm TSCĐ:**

+ Ghi chép phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp cả về giá trị và số lượng hàng bán trên từng mặt hàng, từng địa điểm bán hàng, từng phương thức bán hàng.

+ Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá tính toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng nhóm hàng, từng hoá đơn khách hàng, từng đơn vị trực thuộc (theo các cửa hàng, quầy hàng...).

+ Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản chi phí bán hàng, thực tế phát sinh và kết chuyển (hay phân bổ), cho phép bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.

+ Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng, phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành kinh doanh của doanh nghiệp. Tham mưu cho lãnh đạo về

các giải pháp để thúc đẩy quá trình bán hàng.

+ Lập báo cáo bán hàng theo quy định: Báo cáo doanh số bán hàng theo nhân viên, phân tích doanh số theo mặt hàng, chủng loại, địa điểm, bộ phận... Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bán hàng.

+ Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ vào đối tượng chịu chi phí

- **Thủ quỹ:**

Đóng vai trò quản lý quỹ tiền mặt, tiến hành lập sổ quỹ theo dõi các khoản thu chi hàng ngày của quỹ.

+ Hàng tháng, thủ quỹ dưới sự chứng kiến của kế toán trưởng tiến hành kiểm kê quỹ, đối chiếu với sổ quỹ, xác định và tìm nguyên nhân chênh lệch nếu có. Bên cạnh đó thủ quỹ cũng đóng vai trò là kế toán tiền mặt tiến hành hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền trong công ty.

+ Chịu trách nhiệm lập các chứng từ cần thiết, thực hiện các giao dịch của doanh nghiệp với ngân hàng.

2.4.2 Chính sách và phương pháp kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 thực hiện hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp dựa theo những quy định hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

Chế độ kế toán công ty áp dụng được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể chính sách kế toán được áp dụng tại công ty như sau:

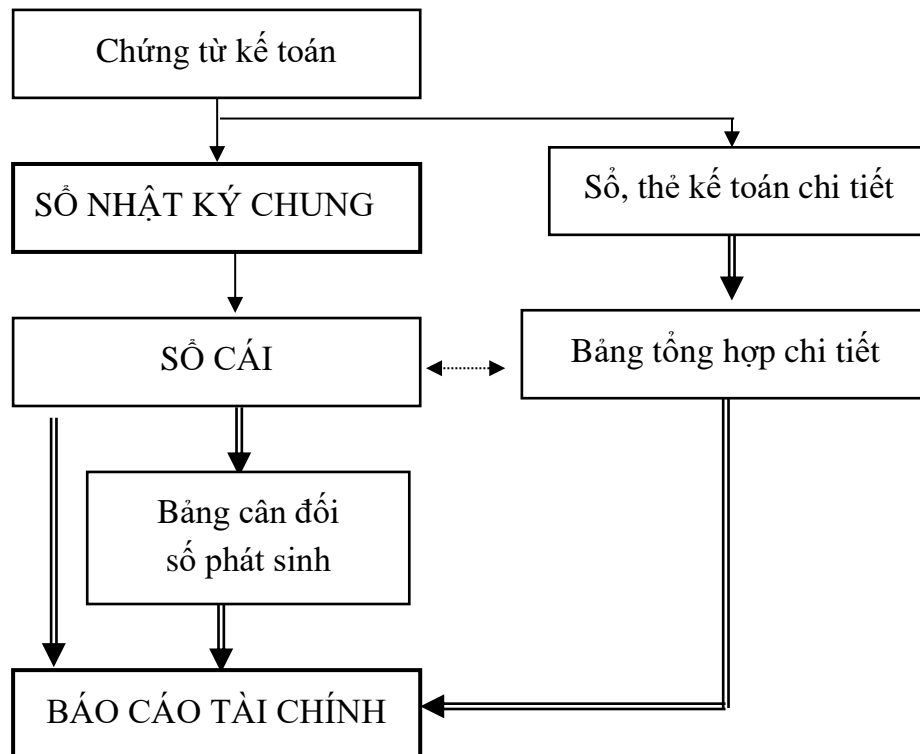
- Niên độ kế toán: bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Kì kế toán: Quý, Năm
- Chuẩn mực kế toán: Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng, đơn vị tính: đồng.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường

xuyên Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất trong kì: phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Phương pháp tính giá trị hao mòn tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Tài khoản sử dụng cho kế toán xác định kết quả kinh doanh: TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 635, TK 156, TK 641, TK642, TK 711...

2.4.3: Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.

- Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, thương mại và dịch vụ sửa chữa, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý. Vì vậy, đơn vị chọn hình thức kế toán:” Nhật ký chung”.
- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>
 Ghi cuối tháng, định kỳ ==>>>
 Kiểm tra, đối chiếu <----->

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

❖ Phương thức thanh toán:

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 đang đi vào kinh doanh 3 lĩnh vực chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa, kinh doanh xăng dầu và sửa chữa Ô tô. Công ty sử dụng hai phương thức thanh toán đó là thanh toán ngay và thanh toán chậm trả cho 3 hoạt động này, *Cụ thể:*

- Đối với người mua: Với những khách hàng là cá nhân sử dụng dịch vụ vận tải, sửa chữa ô tô và mua xăng dầu của công ty với số lượng ít hay những khách hàng và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay. Đối với khách hàng mua hàng hay sử dụng dịch vụ vận tải, sửa chữa ô tô thường xuyên với số lượng lớn công ty thường áp dụng phương thức chậm trả.

- Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ có giá trị thấp, còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều như Công ty xăng dầu khu vực III, Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVIOL Hải Phòng,... công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy vào thỏa thuận giữa hai bên.

❖ **Các hình thức thanh toán:**

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản thanh toán với người mua có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên không cả cứ vào giá trị hợp đồng.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên thì doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

❖ *Chứng từ sử dụng:*

Chứng từ sử dụng để hạch toán khoản phải thu của khách hàng, bao gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Hợp đồng vận chuyển hàng hóa
- + Hợp đồng sửa chữa ô tô
- + Giấy báo có
- + Phiếu thu
- + Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng:*

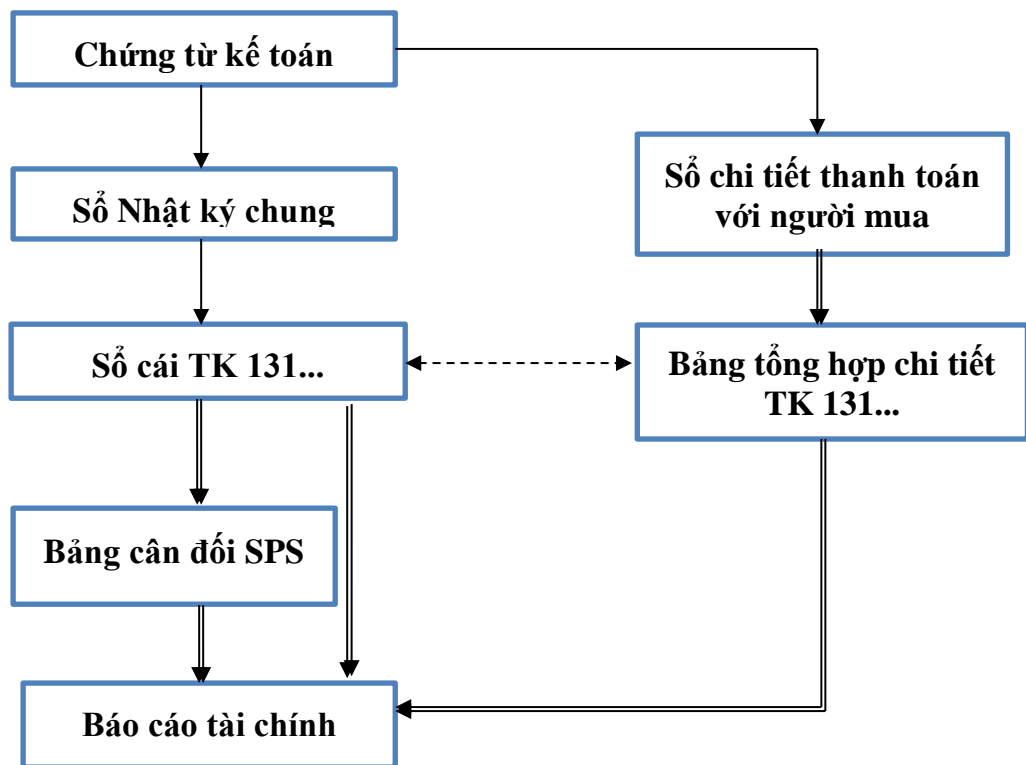
TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.

- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Ví dụ 1: Ngày 17/12/2020 công ty xuất hóa đơn vận chuyển hàng từ ngày 15/12 đến 17/12 cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) chưa thu tiền theo HĐ0014815.

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa cho khách trên địa bàn thành phố Hải Phòng hay các tỉnh lân cận áp dụng bảng giá cước do công ty quy định. Bảng giá cước được tính theo cước căn cứ vào khoảng cách giữa nơi đi và nơi đến theo quy định và trọng tải của từng loại xe.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0014815 (**Biểu số: 2.1**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 (**Biểu số: 2.9**), sổ chi tiết TK 511. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (**Biểu số: 2.8**), sổ cái TK 511, sổ cái TK 333.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 (**Biểu số: 2.10**) lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.11**).

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014815

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 17 tháng 12 năm 2020			Số: 0014815		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1					
Mã số thuế: 0200105546					
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 749 210					
Số tài khoản: 0531 0088 4451 2 – TMCP Quân đội – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Đức Nhất					
Tên đơn vị: Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)					
Mã số thuế: 0100902202					
Địa chỉ: Khu Công nghiệp – Sài Đồng B, Phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: CK					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Cước vận chuyển từ 15/12-17/12				14.900.000
	/				
Cộng tiền hàng					14.900.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		1.490.000
Tổng cộng tiền thanh toán					16.390.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười sáu triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2: Bảng kê cước vận chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1								
Mã số thuế: 0200105546								
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng								
Điện thoại: 0225 749 210								
Số tài khoản: 0531 0088 4451 2 – TMCP Quân đội – Hải Phòng								
BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN								
Tên khách hàng: Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)								
Mã số thuế: 0100902202								
Địa chỉ: Khu Công nghiệp – Sài Đồng B, Phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội								
T	Ngày tháng	Xe	Trọng tải (tấn)	Nội dung	Điểm đi	Điểm đến	Số chuyến	Số tiền
1	15/12/20	15R 542 11	15	Cước vận chuyển	Cảng Đình Vũ - HP	Long Biên - HN	2	8.100.000
2	16/12/20	15R 542 11	15	Cước vận chuyển	Cảng Đình Vũ - HP	Long Biên - HN	1	4.050.000
3	17/12/20	15R 548 25	7	Cước vận chuyển	Cảng Đình Vũ - HP	Long Biên - HN	1	2.750.000
Cộng (chưa VAT)								14.900.000
Bằng chữ: Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn								
<i>Hải phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2020</i>								
Khách hàng				CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1				
<i>Xác nhận</i>				<i>Người đại diện</i>				

Ví dụ 2: Ngày 18/12/2020 Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền vận chuyển tháng 11, số tiền là: 416.955.000đ bằng chuyển khoản.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan như Giấy báo có (**Biểu số: 2.3**), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) (**Biểu số: 2.9**), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**), kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (**Biểu số: 2.8**), sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) (**Biểu số: 2.10**) để kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.11**).

Biểu số 2.3: Giấy báo có của ngân hàng

	Số: 12/27
	Mã GDV: PHUCDTQTO
GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 4451 2
Ngày: 18/12/2020	
Kính gửi: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	
Mã số thuế: 0200105546	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 4451 2	
Số tiền bằng số: 416.955.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn trăm mười sáu triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn./</i>	
Nội dung: ##Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền vận chuyển tháng 11/2020 ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Ví dụ 3: Ngày 19/12/2020, theo hóa đơn GTGT số 0014824 công ty sửa ô tô cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%:14.008.823 đồng, chưa thu tiền.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ vào hóa đơn số 0014824 (**Biểu số: 2.4**) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 (**Biểu số: 2.8**), sổ chi tiết TK 511. Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**), kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (**Biểu số: 2.8**), TK 511 và TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 (**Biểu số: 2.9**) lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.11**).

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014824

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 19 tháng 12 năm 2020			Số: 0014824		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1					
Mã số thuế: 0200105546					
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 749 210					
Số tài khoản: 0531 0088 4451 2 – TMCP Quân đội – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Việt Hà					
Tên đơn vị: Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng					
Mã số thuế: 01007746331003					
Địa chỉ: Tòa nhà số 2, Lô 28 A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Sửa chữa xe 15C -11096				12.735.294
Cộng tiền hàng					12.735.294
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		1.273.529
Tổng cộng tiền thanh toán					14.008.823
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu, không trăm lẻ tám nghìn, tám trăm hai ba đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.5: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1					
Mã số thuế: 0200105546					
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 749 210					
Số tài khoản: 0531 0088 4451 2 – TMCP Quân đội – Hải Phòng					
BẢNG KÊ CHI PHÍ SỬA CHỮA Ô TÔ					
Biển số: 15C - 11096					
Nhãn hiệu xe: KIA					
Chủ xe: Nguyễn Việt Hà - Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng					
Địa chỉ: Tòa nhà số 2, Lô 28A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng					
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dây cam	Sợi	2	400.000	800.000
2	Bi tăng cam	Vòng	2	350.000	700.000
3	Bơm xăng	Cái	1	800.000	800.000
4	Bộ thước lái trợ lực	Bộ	2	4.392.641	8.785.282
5	Dầu trợ lực	Hộp	1	200.000	200.000
6	Cao su đuôi càng	Cục	2	75.000	150.000
7	Cao su lát	Cái	1	150.000	150.000
8	Dây cô roa	Sợi	1	200.000	200.000
9	Bi may ơ	Vòng	2	250.000	500.000
10	Lọc xăng	Cái	1	50.000	50.000
11	Công thợ				600.000
Cộng (chưa VAT 10%)					12.735.294
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu, bảy trăm ba lăm đồng, hai trăm chín mươi bốn đồng.					
<i>Hải phòng, ngày 19 tháng 12 năm 2020</i>					
Chủ xe		Thợ sửa		Phụ trách	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	


Ví dụ 4: Ngày 25/12/2020, Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa chữa cho công ty số tiền là 45.480.000đ bằng tiền gửi ngân hàng.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan như Giấy báo có (**Biểu số: 2.6**), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.7**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng (**Biểu số: 2.9**), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (**Biểu số: 2.8**), sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng (**Biểu số: 2.9**) để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (**Biểu số: 2.11**).

Biểu số 2.6: Giấy báo có của ngân hàng

	Số: 12/35
	Mã GDV: PHUCDTQTO
GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 4451 2
Ngày: 25/12/2020	
Kính gửi: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1	
Mã số thuế: 0200105546	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 4451 2	
Số tiền bằng số: 45.480.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: <i>Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./</i>	
Nội dung: ## Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa chữa ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

Biểu số 2.7: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		...			
HĐ 3290	01/12/20	Mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III chưa trả tiền	156 133 331	107.041.725 10.704.173	117.745.898
		...			
PC 1124	01/12/20	Ứng tiền mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	331 111	15.000.000	15.000.000
		...			
HĐ 5008	01/12/20	Mua lốp xe của Công ty An Thịnh	242 133 331	219.272.727 21.927.273	241.200.000
		...			
BN 12/52	08/12/20	Thanh toán tiền mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III	331 112	300.000.000	300.000.000
		...			
HD 14815	17/12/20	Vận chuyển hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	131 511 333	16.390.000	14.900.000 1.490.000
		...			
GBC 12/27	18/12/20	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền VC hàng tháng 11/2020	112 131	416.955.000	416.955.000
		...			
HD 14824	19/12/20	Sửa chữa ô tô 15C – 11096 cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	131 511 333	14.008.823	12.735.294 1.273.529
		...			
HD 581	21/12/20	Nhập hàng của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường An	156 133 331	118.000.000 11.800.000	129.800.000
		...			
GBC 12/35	25/12/20	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa ô tô	112 131	45.480.000	45.480.000
		...			
BN 12/62	31/12/20	Thanh toán tiền mua dầu lốp xe của Công ty An Thịnh	331 112	226.200.000	226.200.000
		...			
		Cộng phát sinh tháng 12		82.681.534.721	82.681.534.721

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8 : Trích sổ cái tài khoản 131

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng, Số hiệu: 131

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 12		16.947.454.065	
		...			
HD 14815	17/12/20	Vận chuyên hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	511 333	14.900.000 1.490.000	
		...			
GBC 12/27	18/12/20	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền VC hàng tháng 11/2020	112		416.955.000
		...			
HD 14824	19/12/20	Sửa chữa ô tô 15C – 11096 cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	511 333	12.735.294 1.273.529	
		...			
GBC 12/35	25/12/20	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa ô tô	112		45.480.000
		...			
HD 14831	26/12/20	Cước vận chuyển hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	511 333	59.600.000 5.960.000	
		...			
HD 14837	28/12/20	Cước vận chuyển hàng cho Công ty TNHH MAXPEED (Hà Nội)	511 333	65.800.000 6.580.000	
		...			
HD 14838	29/12/20	Cước vận chuyển hàng cho Công ty TNHH MAXPEED (Hà Nội)	511 333	116.400.000 11.640.000	
		...			
BC 12/79	31/12/20	Công ty TNHH My Thanh trả tiền đầu	112		79.967.740
		...			
		Cộng phát sinh tháng 12		9.766.298.392	7.871.560.444
		Số dư cuối tháng 12		18.842.192.013	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mẫu số S13 - DN

Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				125.369.875	
						
19/12/20	HD14824	19/12/20	Sửa chữa ô tô 15C – 11096 cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	511 333	12.735.294 1.273.529		86.296.325 87.569.854	
		
25/12/20	GBC 12/35	25/12/20	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa ô tô	112		45.480.000	5.238.556	
			...					
			Cộng số phát sinh		115.879.458	150.500.000		
			Số dư cuối kỳ				90.749.333	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mẫu số S13 - DN

Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				416.955.000	
			...					
17/12/20	HD 14815	17/12/20	Vận chuyển hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	511 333	14.900.000 1.490.000		623.960.000 625.450.000	
			...					
18/12/20	GBC 12/27	18/12/20	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền VC hàng tháng 11/2020	112		416.955.000	315.640.000	
			...					
26/12/20	HD 14831	26/12/20	Cước vận chuyển hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	511 333	59.600.000 5.960.000		658.440.000 664.400.000	
			Cộng số phát sinh		664.400.000	416.955.000		
			Số dư cuối kỳ				664.400.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	125.369.875		115.879.458	150.500.000	90.749.333	
2	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	416.955.000		664.400.000	416.955.000	664.400.000	
3	Công ty TNHH My Thanh	2.857.435.295		293.207.750	1.358.999.257	1.791.643.788	
4	Công ty TNHH MAXPEED (Hà Nội)	1.689.568.745		568.974.556	1.689.745.320	568.797.981	
	...						
	Cộng	16.947.454.065	0	9.766.298.392	7.871.560.444	18.842.192.013	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

❖ *Chứng từ để sử dụng:*

Chứng từ sử dụng để hạch toán khoản phải thu của khách hàng, bao gồm:

- + Hợp đồng mua bán
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ liên quan khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

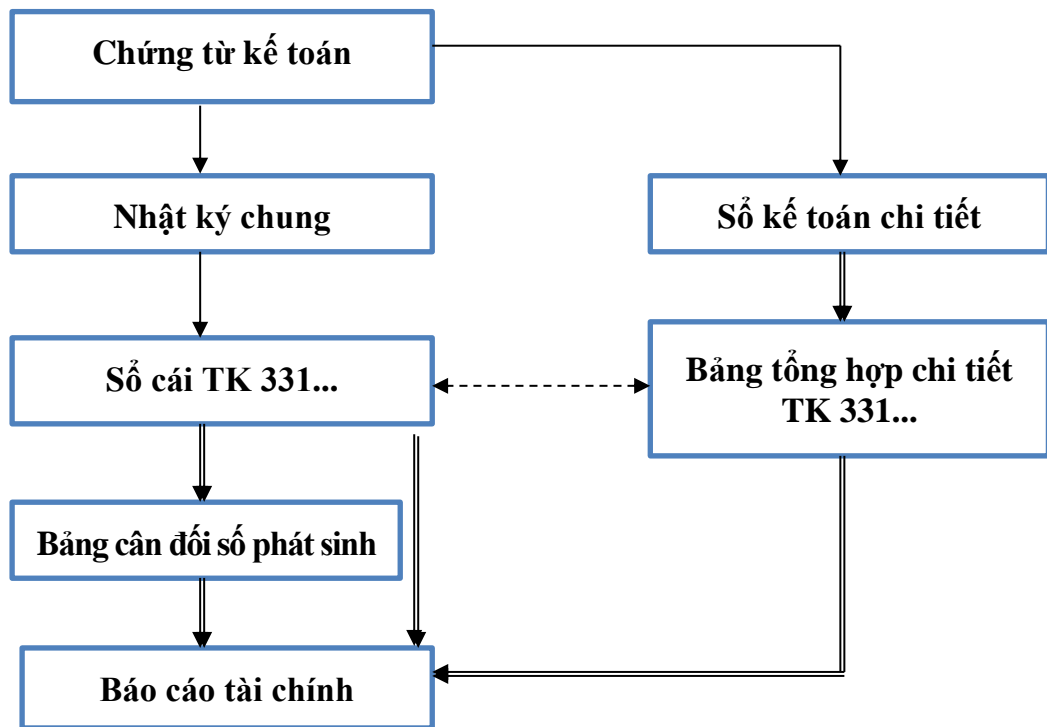
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 156 : Hàng hóa
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...

❖ *Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:*

- + Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←-.-→ : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 156, TK 133,...

- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán.

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2020, công ty mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III, trị giá mua chưa có VAT 10% theo hóa đơn GTGT số 0003290: 107.041.725 đồng, chưa thanh toán.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0003290 (**Biểu số: 2.12**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (**Biểu số: 2.21**). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (**Biểu số: 2.0**), TK 156, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán (**Biểu số: 2.21**) để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (**Biểu số: 2.23**).

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT số 0003290

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 01 tháng 12 năm 2020			Số: 0003290		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III					
Mã số thuế: 0200120833					
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225-3850532					
Số tài khoản: : 1100000009988 – Ngân hàng Công thương Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Văn Hải					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1					
Mã số thuế: 0200105546					
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
	Dầu DO 0.5	Lít	7.500	14.272,23	107.041.725
Cộng tiền hàng					107.041.725
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			10.704.173
Tổng cộng tiền thanh toán					117.745.898
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, tám chín tám đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ của ngân hàng



GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 08/12/2020

Số: 12/52

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 4451 2

Kính gửi: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mã số thuế: 0200105546

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 4451 2

Số tiền bằng số: 300.000.000 đồng

Số tiền bằng chữ: *Ba trăm triệu đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền mua dầu cho Công ty Công ty Xăng dầu Khu vực III##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ví dụ 3: Ngày 01/12/2020. Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty An Thịnh với số tiền 15.000.000đ, bằng tiền mặt.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ các chứng từ có liên quan như: Phiếu chi (**Biểu số: 2.15**), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (**Biểu số: 2.22**), sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (**Biểu số: 2.20**), TK 111.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán (**Biểu số: 2.22**), để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (**Biểu số: 2.23**).

Biểu số 2.15: Phiếu chi tiền

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải
Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 1124

Hải phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2020

Số 331

Có:111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Tùng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh - Công ty An Thịnh

Lý do chi: Chi tạm ứng tiền mua hàng cho Công ty An Thịnh

Số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 01 tháng 12 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).Mười lăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

Ví dụ 4: Ngày 01/12/2020, Mua hàng của Công ty An Thịnh theo hóa đơn GTGT số 0005008, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0005008 (**Biểu số: 2.16**) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (**Biểu số: 2.22**). Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (**Biểu số: 2.20**), TK 242, TK 133.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.16: Hóa đơn GTGT số 0005008

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:		
Liên 2: Giao khách hàng			01GTKT3/001		
Ngày 01 tháng 12 năm 2020			Ký hiệu: AA/20P		
			Số: 0005008		
Đơn vị bán hàng: Công ty An Thịnh					
Mã số thuế: 0200706351					
Địa chỉ: Số 312 Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 13899562					
Số tài khoản: 0531 0088 6191 9 Tại NH: TMCP Quân đội - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Đông Văn Thông					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1					
Mã số thuế: 0200105546					
Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Lốp ô tô 1251515	Chiếc	50	4.385.454,54	219.272.727
Cộng tiền hàng					219.272.727
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		21.927.273
Tổng cộng tiền thanh toán:					241.200.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm bốn mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					


Ví dụ 5: Ngày 31/12/2020, công ty thanh toán 226.200.000 đồng tiền mua lốp xe cho Công ty An Thịnh bằng chuyển khoản.

Ví dụ trên được ghi chép vào sổ sách kế toán như sau:

Căn cứ các chứng từ có liên quan như Ủy nhiệm chi (**Biểu số: 2.17**), Giấy báo nợ (**Biểu số: 2.18**), Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (**Biểu số: 2.22**), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung (**Biểu số: 2.19**), kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (**Biểu số: 2.20**), TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán (**Biểu số: 2.22**) để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (**Biểu số: 2.23**).

Biểu số 2.17: Ủy nhiệm chi

		Số: 12/62
ỦY NHIỆM CHI		Ngày: 31/12/2020
PAYMENT ORDER		
Số tiền: 226.200.000	VND	Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài
Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty An Thịnh		
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 Applicant: Số CMND: Ngày cấp: - Nơi cấp: Số tài khoản: 0531 0088 4451 2 Tại NH: TMCP Quân đội Hải Phòng	ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: Công ty An Thịnh Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0531 0088 6191 9 Tại NH: TMCP QUÂN ĐỘI Hải Phòng	
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> Giao dịch viên Giao dịch viên </div>		

Biểu số 2.18: Giấy báo nợ của ngân hàng



Số: 12/62

GIẤY BÁO NỢ Mã GDV: PHUCDTQTO

Ngày: 31/12/2020 Mã KH: 4451 2

Kính gửi: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mã số thuế: 0200105546

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 4451 2

Số tiền bằng số: 226.200.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./

Nội dung: ## Thanh toán tiền cho Công ty An Thịnh ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		...			
HD 3290	01/12/20	Mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III chưa trả tiền	156 133 331	107.041.725 10.704.173	117.745.898
		...			
PC 1124	01/12/20	Ứng tiền mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	331 111	15.000.000	15.000.000
		...			
HD 5008	01/12/20	Mua lốp xe của Công ty An Thịnh	242 133 331	219.272.727 21.927.273	241.200.000
		...			
BN 12/52	08/12/20	Thanh toán tiền mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III	331 112	300.000.000	300.000.000
		...			
HD 14815	17/12/20	Vận chuyển hàng cho Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	131 511 333	16.390.000	14.900.000 1.490.000
		...			
GBC 12/27	18/12/20	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) thanh toán tiền VC hàng tháng 11/2020	112 131	416.955.000	416.955.000
		...			
HD 14824	19/12/20	Sửa chữa ô tô 15C – 11096 cho Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	131 511 333	14.008.823	12.735.294 1.273.529
		...			
HD 581	21/12/20	Nhập hàng của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường An	156 133 331	118.000.000 11.800.000	129.800.000
		...			
GBC 12/35	25/12/20	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng thanh toán tiền sửa ô tô	112 131	45.480.000	45.480.000
		...			
BN 12/62	31/12/20	Thanh toán tiền mua dầu lốp xe của Công ty An Thịnh	331 112	226.200.000	226.200.000
		...			
		Cộng phát sinh tháng 12		82.681.534.721	82.681.534.721

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán, Số hiệu: 331
Tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 12			4.287.427.488
		...			
HĐ 3290	01/12/20	Mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III chưa trả tiền	156 133		107.041.725 10.704.173
		...			
PC 1124	01/12/20	Ứng tiền mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	111	15.000.000	
		...			
HĐ 5008	01/12/20	Mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	242 133		219.272.727 21.927.273
		...			
BN 12/52	08/12/20	Thanh toán tiền mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III	112	300.000.000	
		...			
HD 581	21/12/20	Nhập hàng của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường An	156 133		118.000.000 11.800.000
		...			
HĐ 1512	23/12/20	Nhập hàng của Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVIOL Hải Phòng	156 133		139.718.931 13.971.893
		...			
GN27	25/12/20	Vay tiền trả nợ tiền mua dầu cho Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVIOL Hải Phòng	341	670.000.000	
		...			
HD 1605	31/12/20	Nhập hàng của Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVIOL Hải Phòng	156 133		143.422.433 14.342.243
		...			
BN 12/62	31/12/20	Thanh toán tiền mua dầu lốp xe của Công ty An Thịnh	112	226.200.000	
		...			
		Cộng phát sinh tháng 12		4.027.770.180	5.015.957.485
		Số dư cuối tháng 12			5.275.614.793

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mẫu số S13 - DN

Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Xăng dầu Khu vực III

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					1.197.271.479
			...					
01/12/20	HĐ 3290	01/12/20	Mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III chưa trả tiền	156 133		107.041.725 10.704.173		425.193.495 435.897.668
			...					
08/12/20	BN 12/52	08/12/20	Thanh toán tiền mua dầu D0 của Công ty Xăng dầu Khu vực III	112	300.000.000			698.339.3885
			...					
			Cộng số phát sinh		1.300.000.000	1.326.481.537		
			Số dư cuối kỳ					1.223.753.016

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Mẫu số S13 - DN

Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán Đối tượng: Công ty An Thịnh

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					0
01/12/20	PC 1124	01/12/20	Ứng tiền mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	111	15.000.000		15.000.000	
01/12/20	HĐ 5008	01/12/20	Mua lốp xe cho Công ty An Thịnh	242 133		219.272.727 21.927.273		204.272.727 226.200.000
31/12/20	BN 12/62	31/12/20	Thanh toán tiền mua dầu lốp xe của Công ty An Thịnh	112	226.200.000			0
			Cộng số phát sinh		241.200.000	241.200.000		
			Số dư cuối kỳ					0

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1
Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Xăng dầu Khu vực III		1.197.271.479	1.300.000.000	1.326.481.537		1.223.753.016
2	Công ty An Thịnh		0	241.200.000	241.200.000		0
3	Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVIOL Hải Phòng		1.993.937.345	1.750.000.000	1.755.761.298		1.999.698.643
4	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường An		851.256.354	870.500.000	912.587.334		893.343.688
	...						
	Cộng	0	4.287.427.488	4.027.770.180	5.015.957.485	0	5.275.614.793

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 1

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

Hiện nay, Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, vận tải hàng hóa và sửa chữa ô tô. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng.

Công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 trong những năm qua đã đạt được nhiều ưu điểm tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán là phải tìm cách phát huy những ưu điểm và hạn chế và khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán với người mua và người bán của Công ty ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

+ Công ty đã tổ chức bộ máy khoa học, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán. Cán bộ kế toán được bố trí hợp lý, đúng người đúng việc. Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- Về hình thức kế toán:

Hình thức sổ “Nhật ký chung” được công ty đang sử dụng hiện nay là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời; giúp cho kế toán thể hiện được đầy đủ vai trò của mình trong công tác kế toán.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Công ty sử dụng hệ thống chứng từ cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời, không bị mất mát xảy ra.

+ Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 sử dụng hệ thống thống tài khoản ban hành theo thông tư số TT 200/2014/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định hiện hành.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Về công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:

Về công tác theo dõi và thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty đã mở hệ thống sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu đối với khách hàng đúng thời hạn tránh bị chiếm dụng vốn.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 còn bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục sau:

Thứ nhất, Đối với công tác tính toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Công ty chưa tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc

dù trên thực tế có phát sinh. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai theo nguyên tắc thận trọng của kế toán và số liệu trên Báo cáo tài chính sẽ không phản ánh đúng tình hình tài sản thực tế tại công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tình hình công nợ phải thu của công ty được thể hiện thông qua báo cáo biểu 3.1 dưới đây.

Thứ hai, Đối với các khoản nợ phải thu: Ngoài việc công ty giao cho nhân viên cố gắng để thu hồi các khoản nợ đến hạn thì công ty chưa đưa ra biện pháp hữu hiệu nào khác để thu hồi sớm các khoản nợ phải thu chưa đến hạn trong khi vốn của công ty luôn thiếu phải đi vay bên ngoài làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

Thứ ba, Đối với công tác ghi chép sổ sách kế toán: Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng Excel và máy tính chỉ giúp cho phân tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót. Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU

ĐẾN NGÀY 31/12/2020

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	90.749.333	90.749.333			
2	Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội)	664.400.000	664.400.000			
3	Cty cổ phần Thương mại Phú Cường	458.580.000			458.580.000	
...	...					
6	Cty TNHH Tân Hưng	268.580.050			268.580.050	
	...					
	Tổng cộng	18.842.192.013	6.919.036.081	7.687.558.482	3.875.597.450	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển mạnh mẽ. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại. Để đạt được mục tiêu đó Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến công tác thanh toán với người mua và người bán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó tạo ra vốn cho doanh nghiệp phát triển và vì vậy góp phần không nhỏ cho việc duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong điều kiện hiện nay.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 ngoài những mặt tích cực thì về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty như sau:

- **Kiến nghị 1: Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Hiện nay, Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh

nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài sản của công ty trên Báo cáo tài chính cuối năm.

* *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là thông tư số 48/2019-BTC ngày 28/8/2019.

* *Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có đầy đủ chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

* *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm: trích 30% giá trị khoản nợ khó đòi

+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm: trích 50% giá trị khoản nợ khó đòi

+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm: trích 70% giá trị khoản nợ khó đòi

+ Từ 3 năm trở lên: trích 100% giá trị khoản nợ khó đòi

* *Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293 : dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

** Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí , ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ . Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có 131, 138 :

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2020 được thể hiện trong biểu số 3.1 dưới đây:

Biểu số 3.1

Đơn vị: Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1

Địa chỉ: Số 150 Khu 2, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2020

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Cty cổ phần Thương mại Phú Cường	458.580.000	1 năm 2 tháng 10 ngày	50%	229.290.000
	...				
2	Cty TNHH Tân Hưng	268.580.050	8 tháng 20 ngày	30%	80.574.015
	...				
	Tổng cộng	3.875.597.450	X	x	1.458.683.665

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2020 cho khoản nợ quá hạn là: 1.458.683.665 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 1.458.683.665

Có TK 229(3) : 1.458.683.665

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

➤ **Kiến nghị 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu sớm hơn.**

• Để thu hồi nợ sớm hơn, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng.

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi nợ trước thời hạn. Chính sách này sẽ giúp công ty thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể dựa vào nhu cầu vốn của mình để xây dựng mức chiết khấu cho phù hợp. Đặc biệt, Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán. Mức chiết khấu thanh toán xây dựng phải đảm bảo lớn hơn mức lãi suất ngân hàng thương mại huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng thương mại cho khách hàng vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng cổ phần thương mại Quân đội tại ngày 31/12/2020 là 5.2% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,7%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Áp dụng mức chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước 15 ngày .
- Áp dụng mức chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Áp dụng mức chiết khấu 0,7%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ **Kiến nghị 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán của doanh nghiệp.**

Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó

phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của Nhà Nước.

Tại Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart, Metadata Accounting

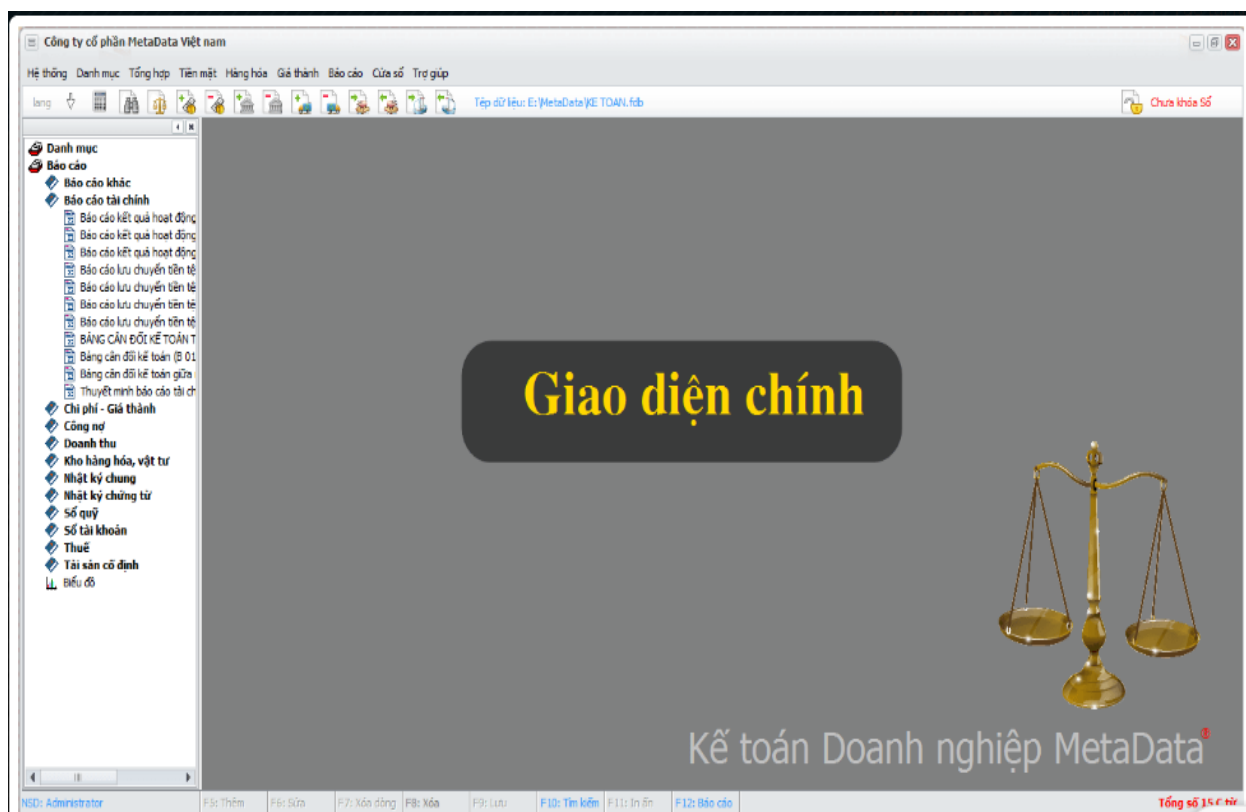
Phần mềm kế toán Metadata Accounting

Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phân hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí "Đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của Doanh nghiệp", MetaData được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác Kế toán tài chính - Quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp ...

MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho nhà quản trị các giải pháp quản lý toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

- Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn

nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý. Giao diện của phần mềm kế toán Metadata Accounting



Phần mềm kế toán SAS INNOVA (phiên bản 10.0)

SAS INNOVA 10.0 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam. được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài Chính. Với SAS INNOVA 10.0, DN chỉ cần cập nhập số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS INNOVA 10.0 là: Người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với những chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau với chức năng copy chứng từ), cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên hoá đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi tiền với hoá đơn mua hàng, đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán tài chính, các quy chế độ...

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm.



Phần mềm kế toán BRAVO

Phần mềm kế toán BRAVO được xây dựng trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của DN và các quy định của Bộ Tài Chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam, phần mềm kế toán BRAVO không chỉ đáp ứng những yêu cầu quản lý thông thường mà còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận trong DN được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (dữ liệu được nhập tại một đầu vào và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra). Giao diện của phần mềm kế toán BRAVO



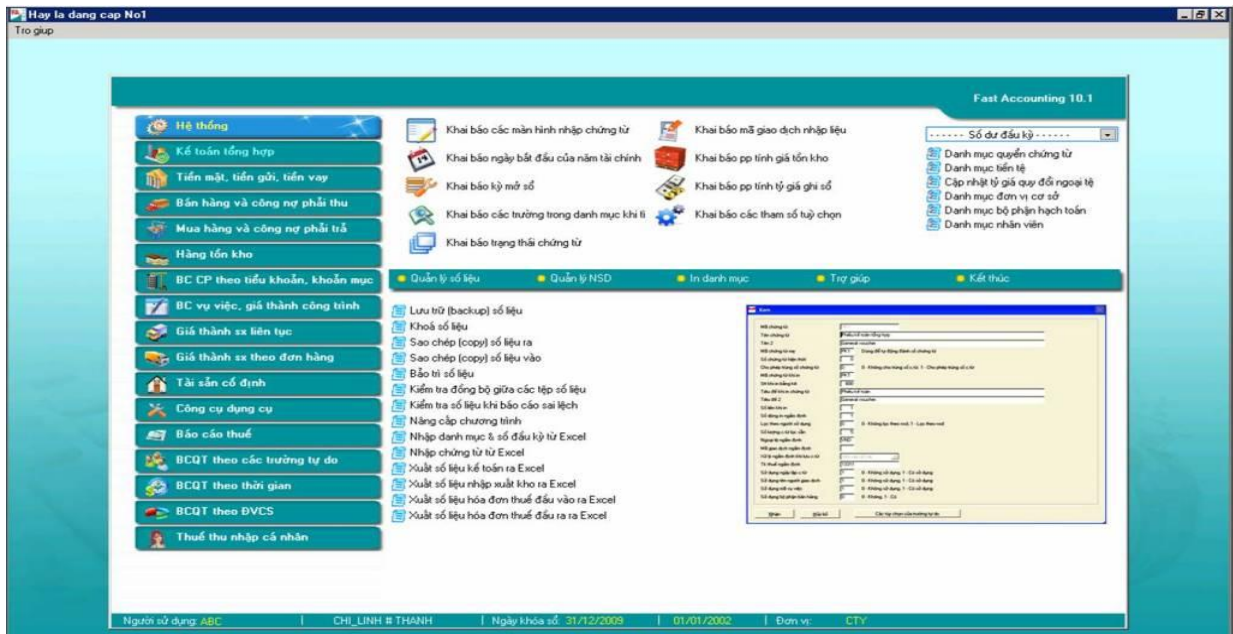
Phần mềm kế toán FAST

- Fast Accounting (phiên bản 9.5) mang những tính năng nổi bật như: Có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hoá xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá tuỳ theo sản phẩm...)

quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đnag nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Việt và Anh... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các DN sử dụng nhiều nhất.

- Fast Bussiness (phiên bản 9.8): Được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là DN lớn. Đât là giải pháp quản trị toàn diện DN với 5 module: Tài chính kế toán, quản lý chi phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, quản lý mối quan hệ khách hàng.

- Fast Financial: Là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast Accounting và Fast Business, hướng tới DN vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: Cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với DN có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng. Giao diện của phần mềm kế toán FAST:



KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp. Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Ô tô số 1 cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12 năm 2020).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty như: Kiến nghị về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, về việc xây dựng các biện pháp thu hồi nợ phải thu, về hiện đại hóa công tác kế toán.

Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy (cô) giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Ô tô số 1 đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của **ThS. Trần Thị Thanh Thảo** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên
Ngô Bạch Diệp

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty cổ phần Vận tải Ô Tô số 1 (2020) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng internet.
5. Thông tư 200/2014/QĐ (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính